

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DSPT

Ngày 04 – 01 - 2018

V/v “ KIỆN ĐÒI LẠI TÀI SẢN ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phần

Các Thẩm phán:

Bà Thái Thị Hồng Vân

Bà Lê Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Hà, thư ký Tòa án Nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về “KIỆN ĐÒI LẠI TÀI SẢN”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 30/2017/DSST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Th, tỉnh Nghệ An bị kháng Cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 79/2017/QĐPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Xuân Đ, sinh năm, 1960; Cư trú tại: Xóm 2B, xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn:* Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th. Địa chỉ: Xóm 5B, xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Cảnh T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm, 1966 (Vợ ông Đ). Vắng mặt. Bà Ph ủy quyền cho ông Trịnh Xuân Đ tham gia tố tụng.

2. Ông Trịnh Xuân T, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965 (Vợ ông T). Ông T, bà H vắng.

Đều cư trú tại: Xóm 2B, xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Cảnh T, người đại diện theo pháp luật Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm vụ kiện có nội dung: Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2017, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm ông Trịnh Xuân Đ trình bày: Năm 2006 ông Đ làm thủ quỹ Hợp tác xã nông nghiệp Th (Gọi tắt là Hợp tác xã), thời điểm đó do Hợp tác xã làm ăn thua lỗ không có tiền nộp tiền điện nên đã vay của ông 30.000.000 đồng để nộp tiền điện thấp sáng cho Chi nhánh điện lực huyện Th và cũng trong năm 2006 ông Đ đã bỏ ra 3.418.000 đồng để mua vật liệu nâng cấp, sửa chữa đường điện cho Hợp tác xã chưa được thanh toán. Năm 2008 ông Đ và ông Trịnh Xuân T làm thuê bơm nước và sửa chữa đường điện cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th hết 6.416.000 đồng tiền công, trong đó tiền công của ông là 3.208.000 đồng chưa được hợp tác xã thanh toán. Việc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th vay tiền của ông có phiếu thu hợp pháp, chủ nhiệm, kế toán và thủ quỹ hợp tác xã đã ký vào các phiếu thu. Còn số tiền công của ông chưa thanh toán thì đã được Chủ nhiệm và kế toán hợp tác xã ký xác nhận tại giấy xin thanh toán chế độ đề ngày 06/01/2008. Tổng cộng Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th còn nợ ông là 36.626.000 đồng. Ông Đ đã nhiều lần yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th trả cho ông nhưng không được chấp nhận. Nay ông Trịnh Xuân Đ khởi kiện yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th trả cho ông số tiền là 36.626.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Trịnh Xuân Đ rút yêu cầu đòi số tiền 3.418.000 đồng mua vật liệu nâng cấp, sửa chữa đường điện; Chỉ yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th trả số tiền vay là 30.000.000 đồng và tiền làm thuê bơm nước là 3.208.000 đồng, tổng cộng là 33.208.000 đồng.

Ông Nguyễn Cảnh T chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th trình bày: Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th chỉ được nhận bàn giao từ Ban Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp Th nhiệm kỳ trước gồm các tài sản sau: Trụ sở làm việc, đất đai, kênh mương, máy bơm nước, đây là các tài sản không chia được. Đối với khoản tiền nợ vay ông Trịnh Xuân Đ và khoản tiền công bơm nước của ông Trịnh Xuân Đ, ông Trịnh Xuân

T thì ban quản lý Hợp tác xã nông nghiệp Th nhiệm kỳ 2008 đến 2016 không bàn giao lại cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th nhiệm kỳ 2016 - 2021. Ông Trịnh Xuân Đ yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th trả số tiền 36.626.000 đồng và ông Trịnh Xuân T yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th trả số tiền 3.208.000 đồng thì Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th không nhất trí vì số nợ này không được bàn giao.

Ông Trịnh Xuân T trình bày: Năm 2008 ông T và ông Trịnh Xuân Đ làm thuê bơm nước và sửa chữa đường điện cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th hết 6.416.000 đồng tiền công, trong đó tiền công của ông là 3.208.000 đồng. Số tiền công trên đã được chủ nhiệm và kế toán Hợp tác xã ký xác nhận tại giấy xin thanh toán chế độ đề ngày 06/01/2008. Ông đã nhiều lần yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th trả cho ông số tiền trên nhưng không được chấp nhận, nay ông yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th trả cho ông số tiền là 3.208.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ph (Vợ ông Đ) trình bày: Số tiền nợ mà ông Trịnh Xuân Đ khởi kiện yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th phải trả, đây là tài sản riêng của ông Trịnh Xuân Đ, nên bà Ph đề nghị Hợp tác xã trả cho ông Đ, chứ bà Nguyễn Thị Ph không có yêu cầu gì đối với số tiền này.

Bà Nguyễn Thị H (Vợ ông T) trình bày: Số tiền nợ mà ông Trịnh Xuân T yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th phải trả, đây là tài sản riêng của ông Trịnh Xuân T, nên bà H đề nghị Hợp tác xã trả cho ông T, chứ bà Nguyễn Thị H không có yêu cầu gì đối với số tiền này.

Tại bản án sơ thẩm số 30/2017/DSST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Nghệ An quyết định Áp dụng: Khoản 2 Điều 26; Điều 35, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 147, Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 74, Điều 87, Điều 158, Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 50 Luật hợp tác xã năm 2012, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân Đ về số tiền 3.418.000 đồng mua vật liệu nâng cấp, sửa chữa đường điện đối với bị đơn Hợp tác xã nông nghiệp Th.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân Đ và yêu cầu của ông Trịnh Xuân T.

Buộc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th phải trả cho ông Trịnh Xuân Đ số tiền là 33.208.000 đồng (*Ba mươi ba triệu, hai trăm linh tám ngàn đồng*).

Buộc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th phải trả cho ông Trịnh Xuân T số tiền là 3.208.000 đồng (*Ba triệu, hai trăm linh tám ngàn*).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ của người phải thi hành án và quyền của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Cảnh T kháng cáo với nội dung: Bản án buộc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th trả cho ông Trịnh Xuân Đ số tiền 33.208.000đ và ông Trịnh Xuân T số tiền 3.208.000đ. Buộc chịu án phí 1.991.700đ là không có căn cứ. Ngày 24/2/2017 tiến hành bàn giao không có bất kỳ một khoản nợ nào từ trước đến nay cho HĐQT Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp vì vậy HTXDVNN Th không biết khoản nợ của ông Đ và ông T. Đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân Đ và ông Trịnh Xuân T.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Th, ông Nguyễn Cảnh T giữ nguyên đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu về việc HTX đã thanh toán nợ cho ông Đ hay chưa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận và ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Cảnh T, người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu về việc Hợp tác xã đã thanh toán nợ cho ông Đ hay chưa. Thấy rằng, tại trích lục sổ theo dõi các khoản vay nợ có phản ánh các khoản Hợp tác xã thu của nợ của ông Đ (Bl,146); Tại các lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Cảnh Ch và ông Nguyễn Duy T là Chủ nhiệm và kế toán của nhiệm kỳ từ năm 2000 – 2008 cũng đã thừa nhận, xác định; Hợp tác xã chưa trả nợ cho ông Đ. Do đó việc dừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu như ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị là không cần thiết.

Về nội dung: Năm 2006 do Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Th (Hợp tác xã) hoạt động không có hiệu quả nên vay của ông Trịnh Xuân Đ 4 lần, với các phiếu thu 121 ngày 28/02/2006; số 122 ngày 28/3/2006; số 123 ngày 28/3/2006 và phiếu thu số 184 ngày 22/5/2006, tổng số tiền 30.120.000đ để nộp cho Công ty điện lực Th và nợ tiền công làm thuê bơm nước và sửa chữa đường điện cho Hợp tác xã của ông Trịnh Xuân Đ 3.208.000đ và ông Trịnh Xuân T 3.208.000đ. Ông Đ và ông T yêu cầu Hợp tác xã Th phải trả cho ông T 3.208.000đ, ông Đ 33.208.000đ.

Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Th được thành lập từ thời kỳ còn bao cấp (Trước năm 1980) về trước. Quá trình hoạt động chuyển đổi cơ cấu với ngành nghề hoạt động theo Điều lệ Hợp tác xã, trong đó có quản lý hoạt động quản lý lưới điện tại xã Th, huyện Th.

Nhiệm kỳ 2005 – 2010 Ban quản lý Hợp tác xã gồm: Ông Nguyễn Cảnh Ch làm chủ nhiệm, ông Nguyễn Duy L phó chủ nhiệm, ông Nguyễn Duy T kế toán trưởng, ông Nguyễn Văn D trưởng ban kiểm soát và ông Trịnh Xuân Đ là thành viên hợp tác xã được giao làm thủ quỹ. Trong quá trình hoạt động ban quản lý Hợp tác xã Th bị các xã viên yêu cầu thanh tra và kiểm tra kinh tế. Tại thông báo kết luận về việc thanh tra kinh tế tài chính Hợp tác xã Th ngày 14/10/2009 đã kết luận các sai phạm đối với từng các thành viên trong ban quản lý. Ông Trịnh Xuân Đ với vai trò là thủ quỹ có các sai phạm không có tổng chi hàng tháng kể cả năm, không đối chiếu với Sổ kê toán... Tổng số thu ít hơn số chi...

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm ông Nguyễn Cảnh T, người đại diện của Hợp tác xã cho rằng, ông T được bầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Th nhiệm kỳ 2016 – 2021, ngày 24/2/2017 tiến hành bàn giao từ ban quản lý Hợp tác xã cũ sang cho ban quản lý mới, ông Tuất là người đứng ra nhận bàn giao, nhưng không có bất kỳ một khoản nợ nào từ trước đến nay, nên Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th không biết khoản nợ của ông Đ và ông T.

Xét thấy: Tại lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Cảnh Ch nguyên Chủ nhiệm và ông Nguyễn Duy T nguyên kế toán Hợp tác xã trong 02 nhiệm kỳ 2000 – 2010 xác định: Ông Ch làm chủ nhiệm còn ông T làm kế toán Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th nhiệm kỳ 2000- 2005 và nhiệm kỳ 2005 -2010. Trong nhiệm kỳ 2005 - 2010 do làm ăn thua lỗ nên Hợp tác xã không có tiền để nộp tiền điện nên đã vay của ông Trịnh Xuân Đ số tiền 30.000.000đồng, việc vay tiền của ông Trịnh Xuân Đ có lập phiếu thu và đã được chủ nhiệm, kế toán và thủ quỹ ký vào phiếu thu và vào sổ thu tiền mặt đúng quy định. Năm 2008 Hợp tác xã nông nghiệp Th còn nợ ông Trịnh

Xuân Đ, ông Trịnh Xuân T tiền công bơm nước và sửa chữa lưới điện với số tiền là 6.416.000đồng. Tất cả số nợ trên Hợp tác xã chưa trả cho ông Đ và ông T. Vì, ông Trịnh Xuân Đ làm thủ quỹ hợp tác xã tại thời điểm đó không chịu ký vào các phiếu thu, phiếu chi của Hợp tác xã nên không quyết toán tài chính được, nên Hợp tác xã nghiệp vụ nhiệm kỳ trước không bàn giao được số nợ trên cho ban quản lý hợp tác xã nhiệm kỳ sau; Tại lời khai của ông Trịnh Xuân S ngày 17/7/2017 (Bl,71) cũng xác định: Ông S làm Phó chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp Th từ năm 2008 đến năm 2016, trong thời gian này Hợp tác xã không có Chủ nhiệm nên ông Sơn quyền chủ nhiệm. Việc Hợp tác xã nông nghiệp Th nhiệm kỳ trước có nợ ông Trịnh Xuân Đ và ông Trịnh Xuân T ông S không biết. Trong thời gian từ năm 2008 đến năm 2016 khi ông làm Phó chủ nhiệm phụ trách thì Hợp tác xã nông nghiệp Th không được nhận bàn giao về số nợ ông Trịnh Xuân Đ, ông Trịnh Xuân T từ nhiệm kỳ trước. Hơn nữa, đầu năm 2010, ông Trịnh Xuân Đ đã khiếu nại yêu cầu các khoản nợ của hợp tác xã đã được Ủy ban nhân dân huyện Th và Ủy ban nhân dân xã Th, tại Thông báo ngày 16/4/2011 đã có ý kiến yêu cầu Ban quản lý Hợp tác xã nhiệm kỳ 2005 – 2010 phải phối hợp giải quyết dứt điểm trong đó có nợ của ông Đ, ông T.

Mặt khác, tại Biên bản xác minh ngày 04/12/2017 Ủy ban nhân xã Th xác định: Sau khi có kết luận Thanh tra ngày 14/10/2009 của UBND xã Th thì các cá nhân trong Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Th bị xử lý miễn nhiệm gồm ông Nguyễn Cảnh Ch chủ nhiệm, ông Nguyễn Duy T kế toán và ông Trịnh Xuân Đ thủ quỹ; kết quả khắc phục hậu quả của tập thể, cá nhân và số tiền thất thoát chưa thu hồi được. Còn việc không bàn giao được các khoản nợ từ ban quản lý Hợp tác xã cũ sang Ban quản lý Hợp tác xã mới là do Ban quản lý Hợp tác xã nhiệm kỳ 2005 – 2010 thực hiện không đúng nên không có số liệu nợ để bàn giao và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân Đ và ông Trịnh Xuân T buộc Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Th, phải thanh toán cho ông Đ 33.208.000đ và ông T 3.208.000đ là có cơ sở.

Đối với số tiền của Ban quản lý Hợp tác xã Th từ nhiệm kỳ 2005 – 2010 đã có kết luận của Th xác định rõ, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng cá nhân làm thất thoát, hiện chưa thu hồi được. Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th có thể kiến nghị yêu cầu cơ quan có thẩm quyền buộc tập thể và các cá nhân của Ban quản lý Hợp tác xã nhiệm kỳ trước hoàn trả lại cho Hợp tác xã, theo quy định của pháp luật. Về khoản tiền án phí, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi vậy kháng cáo của ông Nguyễn Cảnh T, người đại diện Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Th không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Kháng cáo của ông T người đại diện Hợp tác xã không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26; Điều 35, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 147, Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 74, Điều 87, Điều 158, Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 50 Luật hợp tác xã năm 2012, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Cảnh T, người đại diện của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân Đ về số tiền 3.418.000đồng mua vật liệu nâng cấp, sửa chữa đường điện đối với bị đơn Hợp tác xã nông nghiệp Th.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân Đ và yêu cầu của ông Trịnh Xuân T.

2.1. Buộc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th phải trả cho ông Trịnh Xuân Đ số tiền là 33.208.000đồng *(Ba mươi ba triệu, hai trăm linh tám ngàn đồng)*.

2.2. Buộc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th phải trả cho ông Trịnh Xuân T số tiền là 3.208.000đồng *(Ba triệu, hai trăm linh tám ngàn)*.

3. Về án phí:

3.1. Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th phải chịu 1.991.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0001980 ngày 18/9/2017.

3.2. Hoàn trả cho ông Trịnh Xuân Đ 998.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0001122 ngày 09/6/2017.

3.3. Hoàn trả cho ông Trịnh Xuân T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0001144 ngày 13/7/2017.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Th;
- Chi Cục THADS h. Th;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Phần